

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2023/HS-ST**.
Ngày 03/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYỀN QUANG.**

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Bốn

2. Bà Nguyễn Hà Linh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ma Thị Thu Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm, trụ sở Tòa án nhân dân huyện H và điểm cầu thành phần, Phòng xét xử trực tuyến Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang; Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử theo hình thức trực tuyến, công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2023/TLST-HS, ngày 19 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HS, ngày 24 tháng 7 năm 2023, đối với bị cáo:

* Họ và tên: **Hoàng Thị Y**; Giới tính: Nữ; sinh ngày 24/8/1982 tại huyện K, tỉnh Thái Bình;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: tổ dân phố Tân Bình, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang;

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Hoàng Văn N, sinh năm 1954 và bà Phạm Thị C, sinh năm 1948; chồng: Nguyễn Tiến K, sinh năm 1979; con: Có 01 người, sinh năm 2003; anh chị, em ruột: Có 03 người bị cáo là thứ ba;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2004 bị Công an huyện Y, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi ghi số đề thuê để hưởng hoa hồng, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 51 ngày 21/10/2004, phạt tiền 500.000 đồng, ngày 21/10/2004, bị can đã chấp hành nộp phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/4/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang.

(Có mặt tại phiên tòa).

* *Bị hại*: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1987; trú tại: Thôn Cây Đa, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; trú tại: Thôn Cây Đa, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* *Người làm chứng*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; trú tại: Tổ dân phố Bắc Mực, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Ông H, bà L có mặt tại phiên tòa; bà H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Thị Y sinh năm 1982, trú tại tổ dân phố Tân Bình, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang có thửa đất số 144, tờ bản đồ số 72 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 368026, cấp ngày 18/02/2020, thuộc tổ dân phố Tân Bình, thị trấn T, huyện H. Ngày 23/11/2021, Y đã chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Bùi Mạnh H sinh năm 1980, trú tại thôn Cây Đa, xã T, huyện H và đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực Yên Sơn - Hàm Yên làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Trước khi chuyển giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, Y đã photo lại 01 bản.

Khoảng tháng 4/2022, do không có tiền chi tiêu cá nhân, Y đã nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 144, tờ bản đồ số 72 để vay tiền người khác. Y khai, khoảng tháng 4/2022, khi đang đi chơi tại Quảng trường Toàn Thắng, thị trấn T, huyện H thì thấy có 02 người phụ nữ không biết họ tên, địa chỉ nói chuyện về việc có người làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên đến hỏi và xin được số điện thoại của Nguyễn Mạnh T sinh năm 1981, trú tại thôn 3 Tân Yên, xã T, huyện H, sau khi có được số điện thoại của T, Y liên hệ và thỏa thuận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 5.000.000 đồng, sau khi thỏa thuận, T hẹn gặp Y tại đình Dốc Đền, thuộc xã Y, huyện H, Y đưa cho T 01 bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 368026, 01 bản phô tô thẻ Căn cước công dân và đặt cọc trước 2.000.000 đồng, T hẹn 07 ngày sau sẽ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Khoảng 07 ngày sau, T hẹn Y đến đình Dốc Đền và giao cho Y 01 “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số AM 269619, ghi ngày cấp 18/02/2020 mang tên Hoàng Thị Y, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: TDP Tân Bình, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Y đưa cho T 3.000.000 đồng và cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả về nhà cất giữ chưa sử dụng.

Trước đó, do cần tiền chi tiêu cá nhân, Hoàng Thị Y đã nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị H sinh năm 1968, trú tại tổ dân phố Bắc Mực, thị trấn T, huyện H, do không có tiền trả, khoảng tháng 11/2022, Y bán cho bà H 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển số 21B1-987.21 với giá 90.000.000 đồng để trả tiền vay trước đó. Sau khi trả nợ, Y tiếp tục vay của bà H nhiều lần, tính đến ngày 04/02/2023, Y vay của bà H tổng số tiền là 80.000.000 đồng, do quen biết và tin tưởng nên các lần vay tiền bà H không yêu cầu Y cầm cố tài sản gì và không thỏa thuận lãi xuất. Do khoản nợ đã lâu, bà H nhiều lần yêu cầu Y trả nhưng Y chưa có tiền để trả nên đưa cho bà

H giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 269619 giả để tạo niềm tin. Ngoài vay tiền của bà H, ngày 18/02/2023, Y còn vay của ông Nguyễn Đức H sinh năm 1987, trú tại thôn Cây Đa, xã T, huyện H 10.000.000 đồng, không tính lãi xuất và không cầm cố tài sản.

Do cần tiền để trả nợ và mua lại xe mô tô đã bán cho bà H nên Yên đặt vấn đề vay tiền của Ông H, Y và Ông H thỏa thuận vay 170.000.000 đồng với lãi xuất 12%/năm với điều kiện sau khi lấy được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà H, Y phải lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 144, tờ bản đồ số 72 cho vợ chồng Ông H, nếu không trả được khoản tiền vay thì thửa đất số 144, tờ bản đồ số 72 sẽ thuộc quyền sở hữu của Ông H. Trước đó, khoảng tháng 12/2022, Y đã dẫn Ông H đến vị trí thửa đất số 144, tờ bản đồ số 72 và nói là đất thuộc quyền sử dụng của Y để tạo niềm tin cho Ông H. Sau khi thỏa thuận xong, sáng ngày 21/02/2023, Y cùng Ông H và vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1987, trú tại thôn Cây Đa, xã T, huyện H đến nhà bà H và trả cho bà H số tiền 170.000.000 đồng, gồm 80.000.000 đồng tiền nợ và mua lại xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển số 21B1-987.21 đã bán trước đó với giá 90.000.000 đồng, đồng thời, Ông H nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 269619 giả từ bà H. Sau khi đã trả 170.000.000 đồng cho bà H và giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số AM 269619, Ông H yêu cầu Y cùng đi lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như đã thỏa thuận tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Hữu Thảo, thuộc tổ dân phố Trầm Ân, thị trấn Y, huyện Y. Khi tiếp nhận phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả nên bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Yên Sơn - Hàm Yên làm đơn tố giác hành vi của Y để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 24/02/2023, sau khi bị phát hiện sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, Hoàng Thị Y đã trả 30.000.000 đồng trên tổng số tiền 170.000.000 đồng Y đã chiếm đoạt của Ông H.

Tại Kết luận giám định số 450/KL-KTHS ngày 21/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

(1). Chữ ký đứng tên Đỗ Đức Chiến trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký đứng tên Đỗ Đức Chiến trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 không phải do cùng một người ký.

(2). Hình dấu tròn “ỦY BAN NHÂN DÂN H. HÀM YÊN T. TUYÊN QUANG” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với hình dấu “ỦY BAN NHÂN DÂN H. HÀM YÊN T. TUYÊN QUANG” trên mẫu ký hiệu M6 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Cáo trạng số 39/CT-VKSHY, ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố Hoàng Thị Y về 02 tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và *Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết

định truy tố đối với bị cáo Hoàng Thị Y về 02 tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* và *Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; xử phạt bị cáo Hoàng Thị Y từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 02 năm 02 năm 03 tháng tù về tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành từ 05 năm đến 05 năm 09 tháng tù. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài liệu giả. Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 140.000.000 đồng và tuyên lãi suất chậm trả theo quy định. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Viện kiểm sát; bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Bị cáo nhất trí tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền bị cáo chưa bồi thường được, số tiền 140.000.000 đồng.

Bị hại, ông Nguyễn Đức H xác nhận việc bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Ông H số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), còn lại 140.000.000đ (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) Ông H yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị L nhất trí với các ý kiến trình bày của Ông H, xác nhận số tiền bị cáo chiếm đoạt của Ông H là tài sản riêng của Ông H, không phải tài sản chung vợ chồng của bà và Ông H. Bà L không có ý kiến gì về trách nhiệm dân sự của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện việc xét hỏi, tranh tụng đúng quy định tại các Điều 289, 306, 315, 320, 321, 322 của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; căn cứ vật chứng thu giữ được, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các tài liệu, chứng cứ hoàn toàn phù hợp và đủ cơ sở kết luận: Ngày 21/02/2023, tại tổ dân phố Bắc Mực, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, Hoàng Thị Y sinh ngày 24/8/1982, trú tại tổ dân phố Tân Bình, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên

Quang đã có hành vi sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đối với thửa đất số 144, tờ bản đồ số 72, thuộc tổ dân phố Tân Bình, thị trấn T, huyện H để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) của ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1987, trú tại thôn Cây Đa, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Hành vi sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để chiếm đoạt tài sản của người khác mà bị cáo đã thực hiện đã phạm vào 02 tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự và *Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng là hoàn toàn đúng người, đúng tội, có căn cứ, không oan.

Các hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện xâm phạm trực tiếp đến tài sản của bị hại, trật tự quản lý hành chính của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án và uy tín của các cơ quan chức năng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, hoàn toàn nhận thức được hành vi sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi trái pháp luật. Nhưng vì mục đích vụ lợi bị cáo bất chấp các quy định của pháp luật cố ý thực hiện các hành vi phạm tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới có đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Từ giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã có ý thức tự nguyện bồi thường thiệt hại trước cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần áp dụng đối với cả hai tội; đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản áp dụng thêm điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

Hình phạt và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

[5] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tạm giữ 01 “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số AM 269619, ghi ngày cấp 18/02/2020 mang tên Hoàng Thị Y sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: TDP Tân Bình, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang được chuyển theo hồ sơ vụ án. Đây là vật chứng trực tiếp của vụ án, là tài liệu giả bị cáo sử dụng vào mục đích thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

[6] Về phần trách nhiệm dân sự: Bị cáo phạm tội gây thiệt hại cho ông Nguyễn Đức H số tiền 170.000.000 đồng; ghi nhận bị cáo đã bồi thường trước cho Ông H số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Tại phiên tòa bị cáo nhất trí tiếp tục bồi thường cho Ông H số tiền 140.000.000 đồng; nhưng bị cáo chưa có tiền để bồi thường ngay. Do vậy, công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và bị hại về nghĩa vụ bồi

thường dân sự, buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho Ông H số tiền 140.000.000 đồng và phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức H cho Hoàng Thị Y vay tiền nhưng lãi xuất dưới 05 lần mức lãi xuất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự nên không cấu thành tội phạm.

Đối với Nguyễn Mạnh T, quá trình điều tra Hoàng Thị Y khai thuê T làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nhưng ngoài lời khai của Y không có tài liệu, chứng cứ gì khác. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tiến hành các biện pháp điều tra nhưng không có căn cứ xử lý đối với Nguyễn Mạnh T.

Đối với bà Nguyễn Thị L, bà L xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt của ông Nguyễn Đức H là tài sản riêng của Ông H, không phải tài sản chung vợ chồng của bà và Ông H, bà không có ý kiến gì về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Nên không phát sinh nghĩa vụ dân sự giữa bà L và bị cáo Y.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch đối với khoản tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Thị Y phạm 02 tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* và *Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Thị Y **03 (Ba)** năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; **02 (Hai)** năm tù về tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành cho cả 02 tội là **05 (Năm)** năm tù. Thời hạn tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 04 tháng 4 năm 2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số AM 269619, ghi ngày cấp 18/02/2020 mang tên Hoàng Thị Y sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: TDP Tân Bình, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo, Hoàng Thị Y phải bồi thường cho bị hại, ông Nguyễn Đức H số tiền 140.000.000đ (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*).

“*Đối với khoản tiền phải bồi thường, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian*”

chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. ”

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Thị Y phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm; 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) án phí dân sự có giá ngạch. Tổng số tiền án phí bị cáo Y phải nộp là 7.200.000đ (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*).

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND h.Hàm Yên;
- Công an h.Hàm Yên;
- Chi cục THADS h.Hàm Yên;
- Thi hành án hình sự;
- UBND tt.Tân Yên, h.Hàm Yên;
- Bị cáo; bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Sự – Vũ Ngọc Lâm

Lương Thanh Huyền

